

**CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM DƯỢC BÙI GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM DƯỢC BÙI GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400980928

**3. Ngày thành lập:** 22/12/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Tân Sơn, Xã Trung Sơn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0326588889

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                    | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                             | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                     | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                 | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                   | 4633        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                 | 4649        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                  | 4669(Chính) |
| 8.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                            | 0119        |
| 9.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                            | 0128        |
| 10. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa                                                                      | 8620        |
| 11. | Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc                             | 8730        |
| 12. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                   | 9311        |
| 13. | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao                                                                                              | 9312        |
| 14. | Hoạt động thể thao khác                                                                                                            | 9319        |
| 15. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) | 6810        |
| 16. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                     | 6820        |
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                  | 4690        |
| 18. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                  | 4721        |

|     |                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                         | 4722 |
| 20. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                          | 0810 |
| 21. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                          | 1010 |
| 22. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                  | 1020 |
| 23. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                             | 1030 |
| 24. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                            | 1062 |
| 25. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                    | 1075 |
| 26. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                           | 1079 |
| 27. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                            | 1080 |
| 28. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                            | 1101 |
| 29. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                  | 1104 |
| 30. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                           | 1610 |
| 31. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                        | 1621 |
| 32. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                  | 1622 |
| 33. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                  | 1623 |
| 34. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 1629 |
| 35. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                   | 2023 |
| 36. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                    | 2100 |
| 37. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                         | 2219 |
| 38. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                             | 2220 |
| 39. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                           | 4933 |
| 40. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                | 5510 |
| 41. | Cơ sở lưu trú khác                                                                       | 5590 |
| 42. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                         | 5610 |
| 43. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                 | 5621 |
| 44. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                     | 5629 |
| 45. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                  | 5630 |
| 46. | Thu gom rác thải không độc hại                                                           | 3811 |
| 47. | Thu gom rác thải độc hại                                                                 | 3812 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: BÙI VĂN THỦY

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/04/1977 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024077005112

Ngày cấp: 17/12/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Sơn, Xã Trung Sơn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tân Sơn, Xã Trung Sơn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI VĂN THỦY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/04/1977 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024077005112

Ngày cấp: 17/12/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Sơn, Xã Trung Sơn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tân Sơn, Xã Trung Sơn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang